Trường Trung cấp nghề Cam Lâm
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Tỉnh Khánh Hòa

SỞ LAO ĐỘNG – TBXH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM

Số: 175/QĐ-TCNCL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cam Lâm, ngày 26 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận danh sách học sinh trúng tuyển trung cấp (đợt 1) năm học 2019 - 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM

Căn cứ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 03/12/2009 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Cam Lâm;

Căn cứ Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức lại Trường Trung cấp nghề Cam Lâm trên cơ sở sáp nhập Trường Trung cấp nghề Cam Lâm và Trung tâm Giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp Cam Lâm;

Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 07 tháng 03 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 02 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-TCNCL ngày 02/05/2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Cam Lâm về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Trung cấp năm học 2019-2020;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đợt 1 trình độ Trung cấp năm học 2019 – 2020;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách học sinh trúng tuyển đợt 1 trình độ Trung cấp, năm học 2019 - 2020 gồm 353 học sinh (có danh kèm theo) với các nghề như sau:

- Đối tượng Tốt nghiệp Trung học cơ sở: 350 học sinh

+ Nghề Điện công nghiệp: 24 học sinh dự tuyển.

+ Nghề May thời trang: 24 học sinh dự tuyển.

+ Nghề Công nghệ ô tô: 15 học sinh dự tuyển.

+ Nghề Công nghệ thông tin: 58 học sinh dự tuyển.

+ Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn: 79 học sinh dự tuyển.

+ Nghề Quản trị khách sạn: 74 học sinh dự tuyển.

+ Nghề Nghiệp vụ nhà hàng: 76 học sinh dự tuyển.

- Đối tượng Tốt nghiệp Trung học phổ thông: 03 học sinh

+ Nghề Điện công nghiệp: 01 học sinh dự tuyển.

+ Nghề Công nghệ ô tô: 01 học sinh dự tuyển.

+ Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn: 01 học sinh dự tuyển.

Điều 2. Học sinh có tên trong Danh sách trúng tuyển có nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi được quy định trong Điều lệ Trường Trung cấp nghề Cam Lâm.

Điều 3. Trưởng các Phòng Đào tạo-Quản sinh, Kế hoạch-Tài chính, Tổ chức-Hành chính, các Khoa, Bộ môn và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT-QS.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM

Nguyễn Xuân Tạo

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP NĂM HỌC 2019 - 2020 (ĐỢT 1)
ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP, MAY THỜI TRANG, CÔNG NGHỆ Ô TÔ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN, NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG, QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
I	**NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**														
1	Huỳnh Tấn	Thành	13/12/1996		Khánh Hòa	Kinh	Cam Lộc, Cam Ranh, Khánh Hòa	4,0	6,0			KV2 - NT	1,0	11,0	Đạt
2	Bo Minh	Huy	09/04/2004		Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
3	Cao Minh	Đức	06/02/2004		Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
4	Cao Văn	Chượng	29/02/2004		Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
5	Cao	Dũ	23/09/2003		Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
6	Cao Minh	Dũ	14/12/2004		Khánh Hòa	Raglai	Valy, Sơn Tân, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
7	Mang	Hy	10/02/2004		Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
8	Cao Văn	Khang	27/10/2004		Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
9	Cao Minh	Khánh	05/12/2004		Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
10	Cao Xuân	Khoa	31/12/2003		Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
11	Cao Văn	Nấm	23/10/2004		Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
12	Cao	Nung	27/04/2004		Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
13	Mấu Văn	Trà	20/06/2004		Khánh Hòa	Raglai	Valy, Sơn Tân, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
14	Nguyễn Tấn	An	21/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
15	Nguyễn Trung	Kiên	13/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Dầu Sơn, Suối Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
16	Trần Quốc	Kỷ	19/12/2004		Khánh Hòa	Kinh	Xuân Lập, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
17	Võ Chí	Thanh	08/11/2003		Khánh Hòa	Kinh	Liên Hòa, Bình Sơn, Khánh Sơn	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
18	Trần Tiến	Thành	29/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Dầu Sơn, Suối Tân, Cam Tân	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
19	Nguyễn Quang	Vinh	10/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	Hiền Lương, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
20	Huỳnh Như	Ý	11/06/1999		Khánh Hòa	Kinh	Lập Định 3, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
21	Trần Đình Nhật	Quang	23/09/1990		Khánh Hòa	Kinh	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
22	Đặng Vũ	Duy	11/04/2004		Khánh Hòa	Kinh	Bãi Giếng Nam, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
23	Lê Tạ Anh	Hùng	25/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Thủy Triều, Cam Hải Đông, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
24	Trần Gia	Huy	09/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Trường Trinh, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
II	**NGHỀ MAY THỜI TRANG**														
1	Cao Thị	Thu		10/05/2003	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
2	Mấu Thị	Truyền		03/05/2002	Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
3	Cao Thị	Y		29/03/2003	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
4	Cao Thị Mỹ	Hằng		14/04/2003	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
5	Tro Thị	Kiểm		20/05/2004	Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
6	Mấu Thị	Nhẫn		05/10/2004	Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
7	Tro Thị	Cười		09/09/2004	Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
8	Mang Xu	Ni		28/02/2003	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
9	Cao Thị	Tuệ		06/04/2004	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
10	Cao Thị	Thi		06/10/2003	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
11	Mang Thị Tuyết	Trâm		24/06/2004	Khánh Hòa	Raglai	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
12	Cao Thị	Vĩ		10/12/2004	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
13	Cao Thị	Thiệu		01/09/2004	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
14	Bo Thị	Trang		02/11/2003	Khánh Hòa	Raglai	Suối Tiên, Diên Khánh	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
15	Mang Thị Kim	Thủy		10/05/2004	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
16	Ca Thị	Lành		19/02/2004	Khánh Hòa	Raglai	Cầu bà, Khánh Vĩnh	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
17	Cao Thị Thu	Thủy		20/08/2004	Khánh Hòa	Raglai	Bầu Sang, Liên Sang, Khánh Vĩnh	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
18	Ca Thị Mỹ	Uyên		28/01/2004	Khánh Hòa	Raglai	Đá Bàn, Cầu bà, Khánh Vĩnh	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
19	Ca Thị	Thám		18/06/2003	Khánh Hòa	Raglai	Cầu bà, Khánh Vĩnh	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
20	Sô Rô	Y		15/01/2003	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
21	Ca Thị	Thuyền		31/07/2003	Khánh Hòa	Raglai	Đá Bàn, Cầu bà, Khánh Vĩnh	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
22	Mang Thị Trúc	Ly		19/12/2004	Khánh Hòa	Raglai	Tân Xương 1, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
23	Cao Thị	Nguận		15/08/2004	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 2, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
24	Bo Thị Xuân	Nhi		21/06/2004	Khánh Hòa	Raglai	Văn Sơn, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
III	**NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ**														
1	Nguyễn Minh	Chiến	12/03/1997		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
2	Hồ Nguyễn Gia	Đức	20/06/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Thành, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
3	Đậu Ngọc	Hoàn	08/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Phú, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
4	Nguyễn Phương	Nam	27/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Hải, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
5	Võ Thanh	Vũ	05/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Hải, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
6	Nhan Thanh	Kiệt	13/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Thủy Ba, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
7	Đỗ Trọng	Quang	07/07/2003		Khánh Hòa	Kinh	Vinh Bình, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
8	Phạm Hữu Trung	Thành	27/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Hiền Lương, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
9	Lê Trần Văn	Thắng	12/11/2004		Khánh Hòa	Kinh	Thủy Ba, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
10	Ngô Gia	Lập	30/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Khánh Thành Bắc, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
11	Võ Minh	Triều	26/12/2004		Khánh Hòa	Kinh	Bãi Giếng 1, Cam Đức, Cam Lâm	4,0	3,0			KV2 - NT	1,0	8,0	Đạt
12	Nguyễn Chung	Huy	11/11/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Xương 1, suối Cát, cam lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
13	Biện Huỳnh Va	Kin	08/04/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Thủy 1, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
14	Phan Mai	Luân	25/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Thủy 2, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
15	Huỳnh Đức	Lượng	05/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Thủy Triều, Cam Hải Đông, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
IV	**NGHỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**														
1	Nguyễn Văn	Đức	21/04/2004		Phú Thọ	Mường	Hòn Nghê 2, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	5,0	UT1	2,0	KV2	0,5	11,5	Đạt
2	Nguyễn Thị Lệ	Chi		15/03/2004	Bình Định	Kinh	Số 4, Tổ 10, Tây Nam, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	6,0			KV2	0,5	10,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
3	Nguyễn Thị Ngọc	Giang		04/12/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 15, Vĩnh Phương, Vĩnh Thành, Nha Trang	4,0	6,0			KV2	0,5	10,5	Đạt
4	Nguyễn Lê Ngọc Quế	Hương		06/03/2004	Khánh Hòa	Kinh	30a, Đường 2/4 Vĩnh Phước, Nha Trang	4,0	6,0			KV2	0,5	10,5	Đạt
5	Nguyễn Ngọc	Lan		25/05/2004	Gia Lai	Kinh	Tổ 20, Tây Bắc, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	6,0			KV2	0,5	10,5	Đạt
6	Nguyễn Trúc Phương	Quỳnh		14/07/2004	Khánh Hòa	Kinh	Đắc Lộc 1, Vĩnh Phương, Nha Trang	4,0	6,0			KV2	0,5	10,5	Đạt
7	Huỳnh Nguyễn Vân	Anh		28/03/2003	Khánh Hòa	Kinh	Như Xuân 2, Vĩnh Phương, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
8	Nguyễn Thị Tuyết	Anh		17/04/2004	Khánh Hòa	Kinh	Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
9	Nguyễn Thùy	Dung		01/05/2004	Khánh Hòa	Kinh	123, Chung Cư A , Vạn Thạnh, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
10	Nguyễn Trần Hoài	Đa	13/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 19, Tây Bắc, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
11	Trần Trung	Hiếu	14/05/2004		Hà Nội	Kinh	Lê Hồng Phong, Phước Hải, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
12	Nguyễn Đàm Vĩnh	Hưng	08/11/2004		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
13	Nguyễn	Khang	01/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Thanh Phương, Phương Sài, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
14	Nguyễn Văn	Khôi	23/07/2004		Hà Nội	Kinh	Hòn Xện, Vĩnh Hòa, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
15	Liên Trịnh Anh	Khuê		15/05/2004	Khánh Hòa	Kinh	22b Điện Biên Phủ, Vĩnh Hòa, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
16	Nguyễn Thị Kim	Ngân		20/07/2004	Khánh Hòa	Kinh	78/3b Xóm Cồn Xương Huân, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
17	Phạm Hồ	Phong	24/01/2004		Hà Tĩnh	Kinh	Tổ 4, Đông Bắc, Vĩnh Hòa, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
18	Nguyễn Thị Thảo	Quyên		08/10/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 20, Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
19	Lê Phương	Tùng	10/12/2004		Khánh Hòa	Kinh	Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
20	Trần Ngọc Bảo	Thy		29/11/2003	Khánh Hòa	Kinh	Hẻm 27, Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
21	Nguyễn Hải Ngọc	Trân		11/01/2004	Khánh Hòa	Kinh	Đỗ Xuân Hợp, Phước Đồng, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
22	Lê Ngọc Lan	Trinh		29/04/2004	Khánh Hòa	Kinh	Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
23	Hoàng Thị Kim	Yến		20/07/2004	Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
24	Ma Quốc	Phúc	20/10/2004		Khánh Hòa	Tày	Bến Lễ, Khánh Bình, Khánh Vĩnh	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
25	Đặng Quốc	Bảo	11/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	5,0			KV2	0,5	8,5	Đạt
26	Trương Bùi Tấn	Sang	24/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 21, Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	3,0	5,0			KV2	0,5	8,5	Đạt
27	Lê Văn	Vũ	14/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Lương Sơn 3, Vĩnh Lương, Nha Trang	3,0	5,0			KV2	0,5	8,5	Đạt
28	Huỳnh Quốc	Bảo	21/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 22, Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
29	Trần Tấn	Cường	09/12/2004		Đà Nẵng	Kinh	Phú Vinh, Vĩnh Thạnh, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
30	Nguyễn Sỹ	Dũng	17/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 22, Tây Bắc, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
31	Nguyễn Hoài Khánh	Hà		14/06/2004	Khánh Hòa	Kinh	Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
32	Nguyễn Văn	Hiếu	04/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 21, Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
33	Phạm Văn	Huy	09/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 1, Vĩnh Thành, Vĩnh Phương, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
34	Võ Thị Mỹ	Kiều		18/03/2004	Khánh Hòa	Kinh	Hòn Nghê, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
35	Lương Thị Kim	Khuyên		05/09/2004	Ninh Thuận	Kinh	Vĩnh Thành, Vĩnh Phương, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
36	Thái Mai Hương	Linh		22/07/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tân Khánh 2, Ninh Sim, Ninh Hòa, Khánh Hòa	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
37	Nguyễn Hoàng Minh	Phương	29/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	54 Huỳnh Thúc Kháng, Phước Tiến, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
38	Hoàng Thúy	Thanh		13/05/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 21, Tây Bắc, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
39	Đặng Nhật	Thuận	10/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Đường 2/4, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
40	Nguyễn Anh	Thư		02/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	139/15 Nguyễn Thái Học, Vạn Thạnh , N.Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
41	Đinh Thị Hiền	Trang		11/12/2004	Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
42	Huỳnh Phong	Vũ	20/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Số 2, Đường 2/4 Nha Trang, Khánh Hòa	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
43	Đào Tăng	Vỹ	11/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	206 Đường 204 , Vĩnh Hòa, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
44	Bùi Trọng	Tuyền	13/06/1996		Quảng Ninh	Kinh	Trần An, Đông Triều, Quảng Ninh	4,0	3,0			KV2-NT	1,0	8,0	Đạt
45	Trần Thị	Tươi		26/07/1994	Khánh Hòa	Kinh	Thanh Sơn, Thanh Hà, Hải Dương	4,0	3,0			KV2-NT	1,0	8,0	Đạt
46	Võ Thành	Đông	13/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Xuân Tự 1, Vạn Hưng, Vạn Ninh, Khánh Hòa	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
47	Nguyễn Đức	Anh	16/12/2003		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 12, Hòa Trung, Vĩnh Hải Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
48	Phạm Gia	Bảo	28/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	6/15 Đuuòng Trại Gà, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
49	Lê Quang	Huy	14/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Đường Phú Xương, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
50	Cao Quốc	Khải	17/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	157 Tổ 11 Sơn Thủy, Vĩnh Phước, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
51	Huỳnh Trọng	Nghĩa	31/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 21, Khu At , Tây Bắc, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
52	Võ Thành	Phú	15/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Dân, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Khánh Hòa	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
53	Trần Duy	Tân	16/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	Dương Vân Nga, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
54	Đinh Hoàng	Tiến	06/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	58/ Nguyễn Khanh, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
55	Nguyễn Anh	Tuấn	05/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 17, Vĩnh Hòa, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
56	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền		07/09/2004	Khánh Hòa	Kinh	Xuân Ngọc, Vĩnh Ngọc, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
57	Trần Nguyễn Tâm	Thanh		03/01/2004	Khánh Hòa	Kinh	Số 1, Đặng Tất, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
58	Hồ Phi	Long	02/01/2004		TP. HCM	Kinh	Vĩnh Hải, Phú Xương, Nha Trang	2,0	3,0			KV2	0,5	5,5	Đạt
V	**NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN**														
1	Nguyễn Đình	Huy	28/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Trung, Cam An Nam, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
2	Nguyễn Vũ	Huy	09/07/2003		Khánh Hòa	Kinh	Thủy Triều, Cam Hải Đông, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
3	Nguyễn Thị Xuân	Mai		31/12/2004	Khánh Hòa	Kinh	Xuân Lập, Cam Tân, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
4	Mang	Huy	15/11/2004		Khánh Hòa	Raglai	Trung Hiệp 2, Cam Hiệp Bắc	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
5	Nguyễn Thanh	Kiệt	14/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Phú, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
6	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi		16/05/2004	TP. HCM	Kinh	Tân Hải, Cam Đức,Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
7	Phạm Nguyễn Bích	Tuyền		28/10/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tân Thành, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
8	Đặng Thị Thu	Trang		30/06/2001	Khánh Hòa	Kinh	Tân Hải, Cam Hải Tây, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
9	Phạm Trần Bảo	Minh	23/06/2004		Hà Nội	Kinh	Nhị Hà, Phước Hòa, Nha Trang	4,0	5,0			KV2	0,5	9,5	Đạt
10	Phùng Quốc	Cường	17/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Tứ Đông, Cam Hòa, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
11	Trần Đức	Hòa	12/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Tứ Tây, Cam Hòa, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
12	Giáp Anh	Kiệt	22/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
13	Nguyễn Đình	Phong	01/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
14	Huỳnh Kính	Phong	14/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
15	Phạm Ngô Tiến	Sĩ	15/04/2004		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Nam, Cam An Nam, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
16	Nguyễn Đức	Bình	25/07/1996		Hà Tĩnh	Kinh	Bãi Giếng Nam, Cam Đức, Cam Lâm	4,0	3,0			KV2 - NT	1,0	8,0	Đạt
17	Mai Thị Kim	Ngân		18/07/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tân Sinh Tây, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	3,0			KV2 - NT	1,0	8,0	Đạt
18	Nguyễn Minh	Chiến	10/07/2003		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Phước Tây, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
19	Trịnh Gia	Huy	04/09/2003		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Đông, Cam An Nam, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
20	Nguyễn Đặng Quang	Huy	19/12/2004		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Trung, Cam An Nam, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
21	Trần Trung	Kiên	11/08/2003		Khánh Hòa	Kinh	Quảng Đức, Cam Hiệp Nam, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
22	Võ Đình	Quân	28/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Phú Bình 1, Cam Tân , Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
23	Nguyễn Thắm	Sang	07/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
24	Ngô Thanh	Sang	30/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi 2, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
25	Hứa Thành	Sơn	22/07/2004		Bình Định	Kinh	Suối Cát, Cam Hiệp Nam, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
26	Thông Minh	Tài	21/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Phú Bình 1, Cam Tân , Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
27	Nguyễn Duy	Tâm	08/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Tứ Đông, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
28	Phùng Đức	Tâm	01/05/2000		Khánh Hòa	Kinh	Cửa Tùng, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
29	Nguyễn Hoàng	Vũ	12/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Xuân Lập, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
30	Hoàng Quốc	Thịnh	10/10/2000		Khánh Hòa	Kinh	Cửa Tùng, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
31	Trần Nhật	Tiến	24/08/2002		Khánh Hòa	Kinh	Cửa Tùng, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
32	Lê Tú	Anh		29/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	Cát Lợi, Vĩnh Lương, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
33	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo	04/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 11, Phương Mai, Vĩnh Phước, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
34	Phạm Thị Thanh	Bình		30/06/2004	Khánh Hòa	Kinh	Cù Lao Thượng, Vĩnh Thọ, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
35	Nguyễn Đặng Tuấn	Dũng	26/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	89 Đặng Lộ, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
36	Phạm Anh	Duy	21/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Bãi Dương, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
37	Nguyễn Huỳnh Hiếu	Đức	26/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	88/13 Nguyễn Khuyến, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
38	Dương Huệ Hương	Giang		19/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	Nguyễn Khắc Viện, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
39	Phạm Thu	Hiếu		24/05/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 19, Tường Phúc, Vĩnh Phước, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
40	Bùi Khánh	Hòa	20/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Hẻm D1 Vĩnh Phương, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
41	Nguyễn Ngọc	Hùng	22/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Nguyễn Khuyến, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
42	Nguyễn Trần	Khôi	27/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Phương Mai, Vĩnh Phước, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
43	Nguyễn Hoàng Ái	Linh		01/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	48/6 Nguyễn Khuyến, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
44	Trần Ngọc Trúc	Linh		07/04/2001	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 11, Tây Nam, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
45	Đỗ Thị Xuân	Mai		28/04/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 10, Tây Nạm, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
46	Nguyễn Khánh	Ngân		10/11/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 11, Sơn Thủy, Vĩnh Phước, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
47	Nguyễn Thị Quỳnh	Như		14/05/2004	Khánh Hòa	Kinh	Thái Phiên, Tây Bắc, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
48	Bùi Tấn	Sâm	01/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Nguyễn Khuyến, Vĩnh Hải, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
49	Đặng Thị Mỹ	Tâm		20/09/2004	Khánh Hòa	Kinh	106 B2/3 Ngô Đền, Vĩnh Phước, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
50	Võ Hữu Hoàng	Thắng	19/05/2004		Phú Yên	Kinh	Lương Hòa, Vĩnh Lương, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
51	Huỳnh Ngọc Thảo	Uyên		01/11/2004	Khánh Hòa	Kinh	Núi 1, Phước Tiến, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
52	Nguyễn Nhơn	Vũ	27/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Số 3, Nguyễn Đình Chiểu, Vĩnh Thọ, N.Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
53	Nguyễn Ngọc Hạ	Vy		29/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	Cù Lao Thượng, Vĩnh Thọ, Nha Trang	4,0	3,0			KV2	0,5	7,5	Đạt
54	Châu Văn	Duy	07/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Suối Cam, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
55	Nguyễn Thành	Đạt	03/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Suối Cam, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
56	Quang Nhựt	Nam	18/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Yên Hòa 1, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
57	Lê Văn	Nô	19/08/2002		Khánh Hòa	Kinh	Tân Hải, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
58	Nguyễn Tấn	Trọng	28/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Phú, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
59	Nguyễn Văn	Can	13/04/2004		Khánh Hòa	Kinh	Hòa Do 6A, Cam Phúc Bắc, Cam Ranh	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
60	Nguyễn Quốc	Vinh	22/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Tứ Đông, Cam Hòa, Cam Lâm	2,0	3,0			KV1	1,5	6,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
61	Nìm Uyển	Như		28/10/2004	Khánh Hòa	Hoa	76 Nguyễn Khuyến, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
62	Nguyễn Duy	Bảo	04/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Khóm Hòa Tây, Vĩnh Hòa, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
63	Phan Huỳnh Ngọc	Duyên		10/10/2004	Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Lương, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
64	Hình Gia	Hòa		20/09/2004	Khánh Hòa	Kinh	56/16 Lương Văn Can, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
65	Huỳnh Quốc	Huy	09/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Cát Lợi, Vĩnh Lương, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
66	Lê Tuấn	Huy	13/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Lương Sơn, Vĩnh Lương, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
67	Lê Nhật	Huy	19/06/2004		Khánh Hòa	Kinh	Lương Hòa, Vĩnh Lương, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
68	Lưu Nguyễn Anh	Khôi	16/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	185/73 Nguyễn Khuyến,vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
69	Lê Hoàng Khánh	Ngân		11/06/2004	Khánh Hòa	Kinh	55 Ka Cù Lao Thượng, Vĩnh Thọ, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
70	Đinh Thế	Sang	01/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Phan Chánh, Vĩnh Lương, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
71	Nguyễn Minh	Sơn	06/12/2004		Khánh Hòa	Kinh	28/2 Thái Phiên, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
72	Huỳnh Thanh	Tú		12/11/2004	Khánh Hòa	Kinh	Đường Đệ, Vĩnh Hòa, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
73	Lê Đăng Hoài	Thương		03/06/2004	Khánh Hòa	Kinh	Giáp Văn Cương, Vĩnh Lương, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
74	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân		30/07/2004	Khánh Hòa	Kinh	33 Nguyễn Khuyến, Vĩnh Hải, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
75	Nguyễn Nhật	Vỹ	16/12/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tổ 2, Ba Làng, Vĩnh Hòa, Nha Trang	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
76	Đặng Nguyễn Như	Ý		02/11/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tổ 1, Thanh Hải, Vĩnh Hải	3,0	3,0			KV2	0,5	6,5	Đạt
77	Lê Hữu	Tình	10/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Sinh Đông, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	2,0	3,0			KV2 - NT	1,0	6,0	Đạt
78	Lê Quốc	Toàn	15/10/2003		Khánh Hòa	Kinh	Tân Quý, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	2,0	3,0			KV2 - NT	1,0	6,0	Đạt
79	Nguyễn Thị Thanh	Thảo		01/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	15/18 Nguyễn Khuyến, Vĩnh Hải, Nha Trang	2,0	3,0			KV2	0,5	5,5	Đạt
VI	**NGHỀ NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG**														
1	Mang Thị	Chi		20/05/2004	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 1, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
2	Mang Phong	Hào	30/04/2004		Khánh Hòa	Raglai	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
3	Mang Thị Thu	Hằng		29/03/2004	Khánh Hòa	Raglai	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
4	Mấu Thị	Diều		04/03/2002	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
5	Nguyễn Quốc	Duy	30/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
6	Cao Thị Bích	Duyên		07/09/2004	Khánh Hòa	Raglai	Suối Lau 3, Suối Cát, Cam Lâm	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
7	Võ Thị Hà	Như		16/12/2004	Khánh Hòa	Kinh	Thủy Triều, Cam Hải Đông, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
8	Lâm Thị Ngọc	Thi		08/06/2004	Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi 3, Cam Hòa, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
9	Tro Mấu Thị Ngọc	Bông		08/02/2002	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
10	Bo Bo Thị Mỹ	Châu		03/10/2001	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
11	Mấu Thị	Chèo		20/10/1998	Khánh Hòa	Raglai	Tha Mang, Ba Cụm Bắc, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
12	Mấu Thị Bích	Chi		02/03/1991	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
13	Mấu Thị Ngọc	Diệp		31/12/2002	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
14	Cao Thị	Hà		20/03/2001	Khánh Hòa	Raglai	Tha Mang, Ba Cụm Bắc, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
15	Cao Thị	Ím		01/01/2002	Khánh Hòa	Raglai	Suối Đá, Ba Cụm Bắc, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
16	Bo Bo Thị	Ính		17/06/1992	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
17	Cao Thị Minh	Kiều		10/10/1998	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
18	Mấu Thị	Liệm		06/08/1990	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
19	Mấu Thị Kim	Luyến		01/01/1991	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
20	Bo Bo Thị Kim	Mơ		16/08/1998	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
21	Bo Bo Thị Tấn	Mỹ		17/09/2003	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
22	Bo Bo Thị	My		10/12/1994	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
23	Mấu Thị	Na		06/02/2001	Khánh Hòa	Raglai	Tha Mang, Ba Cụm Bắc, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
24	Bo Bo Thị Hải	Nguyệt		25/03/2000	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
25	Bo Bo Thị	Nhẫn		15/08/1989	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
26	Bo Bo Thị	Nhị		02/06/1996	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
27	Bo Bo Thị Như	Phương		01/01/1995	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
28	Tro Mấu Thị Ngọc	Sen		01/06/2000	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
29	Mấu Thị	Tâm		01/01/1988	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
30	Mấu Thị Minh	Tuyền		30/09/1991	Khánh Hòa	Raglai	Hạp Phú, Tô Hạp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
31	Bo Bo Thị	Thanh		01/01/1995	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
32	Bo Bo Thị	Xuất		05/01/1996	Khánh Hòa	Raglai	Xóm Cỏ, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
33	Bo Bo Thị	Yến		15/09/1998	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
34	Cao Thị	Mông		07/05/2001	Khánh Hòa	Raglai	Suối Đá, Ba Cụm Bắc, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
35	Bo Bo Thị	Loan		01/01/1993	Khánh Hòa	Raglai	Xóm Cỏ, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
36	Bo Bo Thị	Khuyết		08/12/1998	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
37	Bo Bo Thị	Hương		10/10/1990	Khánh Hòa	Raglai	Dốc Gạo, Tô Hạp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
38	Mấu Thị Kim	Oanh		20/07/1998	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
39	Ngô Văn	Hào	24/07/2003		Khánh Hòa	Kinh	Tân Quý, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
40	Tạ Trung	Kiên	14/02/2000		Khánh Hòa	Kinh	Lam Sơn, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
41	Phạm Thị Bích	Thùy		15/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	Bãi Giếng 2, Cam Hải Tây, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
42	Phạm Quỳnh	Trang		30/10/2004	Khánh Hòa	Kinh	Bãi Giếng 2, Cam Đức, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2 - NT	1,0	10,0	Đạt
43	Mang Quốc	Trường	25/09/2004		Khánh Hòa	Raglai	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
44	Mấu Quốc	Huy	09/12/2004		Khánh Hòa	Raglai	Lập Định, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
45	Bo Bo Thị Bình	An		01/01/1997	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
46	Bo Bo Thị	Chữ		04/02/1981	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
47	Bo Bo Thị	Luyến		20/07/2002	Khánh Hòa	Raglai	Dốc Trầu, Ba Cụm Bắc, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
48	Cao Thị	Mẫu		06/04/1998	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
49	Cao Thị Minh	Phụng		27/10/1983	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
50	Bo Bo Thị Phương	Thảo		10/03/2001	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
51	Cao Thị Thanh	Thùy		09/11/2000	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
52	Bo Bo Thị	Vượng		07/10/1999	Khánh Hòa	Raglai	Dốc Gạo, Tô Hạp, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
53	Bo Bo Thị	Thảo		17/07/2000	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
54	Lê Mỹ Ngọc	Duyên		07/10/2004	Khánh Hòa	Kinh	467 Trường Trinh, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0	UT1	2,0	KV2 - NT	1,0	9,0	Đạt
55	Nguyễn Huy	Hoàng	15/01/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Thủy 1, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
56	Nguyễn Thế	Phong	14/11/2004		Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi 1, Cam Hòa, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
57	Trần Quốc	Phú	26/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Lập Định 3, Cam Hòa, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
58	Võ Phúc	Toàn	01/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Lập Định 1, Cam Hòa, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
59	Nguyễn Thị Thu	Thảo		23/05/2003	Bình Định	Kinh	Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định	4,0	3,0			KV2 - NT	1,0	8,0	Đạt
60	Nguyễn Ngọc	Đức	26/10/2001		Khánh Hòa	Kinh	Thủy Triều, Cam Hải Đông, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
61	Dương Huỳnh	Giang	29/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Lập Định 1, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
62	Bùi Vũ	Hà	03/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
63	Lê Khánh	Lâm	20/08/2004		Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi 1, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
64	Lương Tiến	Long	15/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi 2, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
65	Trần Vĩnh	Ngọc	17/08/2003		Khánh Hòa	Kinh	Xuân Lập, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
66	Huỳnh Đức	Tín	03/04/2003		Khánh Hòa	Kinh	Lập Định 1 , Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
67	Nguyễn Đức	Tuân	10/08/1998		Khánh Hòa	Kinh	Khánh Thành Nam, Suối Cát, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
68	Lý Viết	Tuấn	22/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Phước Tây, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
69	Nguyễn Thị Thu	Thúy		27/08/2004	Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
70	Nguyễn Thị Khánh	Vân		13/03/2004	Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi 2, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
71	Nguyễn Quốc	Trí	23/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân An, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
72	Nguyễn Quý	Đức	19/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Quý, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
73	Võ Nguyễn Quốc	Hiền	30/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Thành, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
74	Phan Thị Thanh	Phương		07/04/2004	Khánh Hòa	Kinh	Suối Cam, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
75	Nguyễn Duy	Tân	07/12/2001		Khánh Hòa	Kinh	Tân Hải, Cam Hải Tây, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
76	Huỳnh Cơ	Trí	02/06/2002		Bình Định	Kinh	Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
VII	**NGHỀ QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN**														
1	Mấu Thị Kim	Loan		01/01/1994	Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
2	Cao Thị Tố	Trinh		26/12/2001	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
3	Bo Bo Thị Thu	Uyên		03/04/1998	Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
4	Cao Thị Ngọc	Bích		01/10/2002	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
5	Cao Thị	Ý		02/09/1994	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
6	Cao Thị Minh	Tú		06/10/1994	Khánh Hòa	Raglai	Xà Bói, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
7	Mấu Thị Bích	Thùy		25/10/2000	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
8	Thị	Chi		21/05/2004	Khánh Hòa	Raglai	Trung Hiệp 2, Cam Hiệp Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0	UT1	2,0	KV1	1,5	12,5	Đạt
9	Tro Thị	Diệp		15/08/1996	Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
10	Mấu Thị Thùy	Dung		01/01/1992	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
11	Bo Bo Thị Kỳ	Duyên		28/02/2000	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
12	Cao Thị Mỹ	Duyên		10/10/2001	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
13	Cao Thị	Hà		08/02/1987	Khánh hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
14	Cao Thị	Hòa		27/07/1996	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
15	Cao Thị	Huệ		05/07/1996	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
16	Bo Bo Thị Thanh	Hương		22/07/1997	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
17	Cao Thị Lan	Hương		05/01/1989	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
18	Cao Cao	Kỳ	02/03/2000		Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
19	Bo Bo Thị	My		01/01/1986	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
20	Cao Thị Tuyết	Ngân		18/12/1998	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
21	Cao Thị	Tuyền		23/07/1998	Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
22	Cao Thị Phương	Thảo		18/05/1994	Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
23	Cao Thị	Thi		01/01/1996	Khánh Hòa	Raglai	Xóm Cỏ, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
24	Mấu Thị Thu	Uyên		02/07/2001	Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
25	Bo Bo Thị Mai	Lan		05/10/1996	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hiệp, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
26	Mấu Thị	My		20/06/1997	Khánh Hòa	Raglai	A Thi, Ba Cụm Bắc, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
27	Mấu Thị Thùy	Ngân		27/08/2001	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
28	Mấu Thị Bích	Thảo		05/01/2002	Khánh Hòa	Raglai	Hòn Dung, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
29	Bo Bo	Hồng	20/07/1993		Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
30	Mấu Thị Kim	Thoa		07/06/1997	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
31	Cao Thị Diễm	Hồng		03/09/1999	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
32	Mấu Thị	Ý		26/10/1993	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
33	Mấu Thị Thanh	Kiều		18/02/1996	Khánh Hòa	Raglai	Cô Lắc, Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
34	Tro Thi Ngọc	Tin		10/02/1998	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	4,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	10,5	Đạt
35	Bùi Gia	Huy	21/04/2004		Khánh Hòa	Kinh	Văn Thủy 2, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
36	Nguyễn Thị Bích	Nhi		13/02/2004	Khánh Hòa	Kinh	Văn Thủy 1, Cam Phước Tây, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
37	Mai Thị Quỳnh	Như		16/01/2004	Khánh Hòa	Kinh	Tân An, Cam An Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
38	Hoàng Ngọc Quỳnh	Trâm		22/02/2004	Khánh Hòa	Kinh	Hiền Lương, Cam An Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
39	Lê Xuân	Vinh	19/12/2003		Khánh Hòa	Kinh	Xóm 3, Cam Hải Đông, Cam Lâm	4,0	5,0			KV1	1,5	10,5	Đạt
40	Nguyễn Hữu	Đăng	26/12/2002		Khánh Hòa	Kinh	Nghĩa Bắc, Cam Đức, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2-NT	1,0	10,0	Đạt
41	Nguyễn Minh	Huy	09/10/2003		Khánh Hòa	Kinh	Yên Hòa, Cam Đức, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2-NT	1,0	10,0	Đạt
42	Nguyễn Văn	Nam	14/10/2004		Khánh Hòa	Kinh	Lam Sơn, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2-NT	1,0	10,0	Đạt
43	Phạm Quang	Tiến	14/07/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Sinh Đông, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	5,0			KV2-NT	1,0	10,0	Đạt
44	Bo Bo Thị	Dánh		11/06/2002	Khánh hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
45	Bo Bo Thị	Diễm		09/08/1999	Khánh hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
46	Mấu Văn	Lập	30/01/1994		Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
47	Cao Thị Quỳnh	Na		20/10/2003	Khánh Hòa	Raglai	Liên Bình, Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
48	Bo Bo Thị	Nguyệt		14/04/1993	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hòa , Sơn Bình, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
49	Cao Thị	Ngàn		16/01/2003	Khánh Hòa	Raglai	Liên Hiệp, Sơn Hiệp, Khánh Sơn	3,0	3,0	UT1	2,0	KV1	1,5	9,5	Đạt
50	Trần Thị Mai	Thùy		20/02/2001	Khánh Hòa	Kinh	Ninh Thượng, Ninh Hòa	3,0	5,0			KV2-NT	1,0	9,0	Đạt
51	Lê Hồng	Nhung		31/05/2003	Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Trung, Cam An Nam, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
52	Nguyễn Thiện	Thiên	20/06/2001		Khánh Hòa	Kinh	Triệu Hải, Cam An Bắc, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
53	Chế Tầm	Xuân		07/11/2004	Khánh Hòa	Kinh	Xóm 3, Cam Hải Đông, Cam Lâm	4,0	3,0			KV1	1,5	8,5	Đạt
54	Nguyễn Ngọc	Minh	19/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Bắc Vĩnh, Cam Hải Tây, Cam Lâm	4,0	3,0			KV2-NT	1,0	8,0	Đạt
55	Phan Tấn	Phát	12/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Thành, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	4,0	3,0			KV2-NT	1,0	8,0	Đạt
56	Nguyễn Hà Nhật	Linh		19/09/2004	Khánh Hòa	Kinh	Bãi Giếng 1, Cam Đức, Cam Lâm	4,0	3,0			KV2 - NT	1,0	8,0	Đạt
57	Nguyễn Thị Lệ	Trà		24/10/2003	Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Đông, Cam An Nam, Cam Lâm	4,0	3,0			KV2 - NT	1,0	8,0	Đạt
58	Đào Thị Mỹ	Hằng		28/04/2004	Khánh Hòa	Kinh	Phú Bình 2, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
59	Đinh Huỳnh Gia	Khánh	28/11/2001		Khánh Hòa	Kinh	Cửa Tùng, Cam An Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 9	XL Tốt nghiệp THCS	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
60	Lê Thị Hồng	Ngọc		03/12/2004	Khánh Hòa	Kinh	Vinh Bình, Cam Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
61	Dương Quang	Tường	18/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Trung, Cam An Nam, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
62	Lê Hữu	Phước	22/02/1996		Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Phú, Suối Tân, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
63	Ngô Dĩ	An	25/12/2003		Khánh Hòa	Kinh	Tân Quý, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
64	Võ	Bá	09/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Hòa 1, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
65	Phan Xuân	Đạt	17/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
66	Nguyễn Nhật	Hoàng	18/02/2004		Khánh Hòa	Kinh	Bãi Giếng Trung, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
67	Nguyễn Văn	Khương	23/09/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
68	Dương Huỳnh Khôi	Nguyên	29/09/2003		Khánh Hòa	Kinh	Tân Hòa 2, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
69	Nguyễn Công	Tứ	29/03/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Hải , Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
70	Ngô Quốc	Triệu	02/05/2004		Khánh Hòa	Kinh	Bãi Giếng Nam, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2-NT	1,0	7,0	Đạt
71	Lâm Minh	Quân	02/09/2003		Khánh Hòa	Kinh	Nguyễn Khuyến, Cam Đức, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
72	Nguyễn Phương	Trọng	29/11/2004		Khánh Hòa	Kinh	Tân Quý, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
73	Đỗ Thị Yến	Nhi		20/06/2004	Khánh Hòa	Kinh	Vĩnh Đông, Cam An Nam, Cam Lâm	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt
74	Nguyễn Việt Nguyên	Tuấn	27/10/2003		Khánh Hòa	Kinh	Tân Lập, Cam Thành Bắc, Cam Lâm	2,0	3,0			KV2 - NT	1,0	6,0	Đạt

Tổng số học sinh dự tuyển đợt 1: 350 học sinh

Điện công nghiệp	24
May thời trang	24
Công nghệ ô tô	15
Công nghệ thông tin	58
Kỹ thuật chế biến món ăn	79
Nghiệp vụ nhà hàng	76
Quản trị khách sạn	74
	350

Cam Lâm, ngày tháng năm 2019

BAN THƯ KÝ

Phạm Văn Long

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM

Nguyễn Xuân Tạo

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN TRUNG CẤP NĂM HỌC 2019 - 2020 (ĐỢT 1)
ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHỆ Ô TÔ, KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN

Stt	Họ và	tên	Năm sinh		Nơi sinh	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Hạnh kiểm lớp 12	XL Tốt nghiệp THPT	Ưu tiên đối tượng	Điểm ưu tiên đối tượng	Ưu tiên khu vực	Điểm ưu tiên khu vực	Điểm tổng	Kết quả Xét tuyển
			Nam	Nữ											
I	**NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP**														
1	Lê Chấn	Huy	09/12/1980		Khánh Hòa	Kinh	Cửu Lợi, Cam Hòa, Cam Lâm	3,0	3,0			KV1	1,5	7,5	Đạt
II	**NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN**														
1	Nguyễn Tấn	Tài	23/06/1998		Khánh Hòa	Kinh	Phú Lộc Tây 2, Diên Khánh	4,0	3,0			KV2 - NT	1,0	8,0	Đạt
III	**NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ**														
1	Hoàng Văn	Tú	01/11/1983		Thái Bình	Kinh	Cam Nghĩa, Cam Ranh, Khánh Hòa	3,0	3,0			KV2 - NT	1,0	7,0	Đạt

Tổng số học sinh dự tuyển đợt : 03 học sinh
Điện công nghiệp 1
Kỹ thuật chế biến món ăn 1
Công nghệ ô tô 1
3

Cam Lâm, ngày tháng năm 2019

BAN THƯ KÝ

Phạm Văn Long

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM

Nguyễn Xuân Tạo